**Biểu mẫu 09**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của*

*Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH

**TRƯỜNG THCS QUI ĐỨC**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Chia theo khối lớp |
| Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| I | Điều kiện tuyển sinh | **\* Tuyển sinh đầu cấp :** | **\* Tiếp nhận HS chuyển đến:** | **\* Tiếp nhận HS chuyển đến:** | **\* Tiếp nhận HS chuyển đến:** |
| * Độ tuổi : 11 - 14
* Hoàn thành chương trình tiểu học
* Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:

+ Đơn xin Xét tuyển,+ Bản chính học bạ TH,+ Giấy chứng nhân hoàn thành chương trình TH,+ Bản sao khai sinh hợp lệ . | - Độ tuổi : 12 - 15- Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ :+ Đơn xin chuyển trường,+ Bản sao khai sinh hợp lệ,+ Bản chính Học bạ THCS,+ Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH hoặc học bạ TH+ Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi,+ Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương. | - Độ tuổi : 13 - 16- Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ :+ Đơn xin chuyển trường,+ Bản sao khai sinh hợp lệ,+ Bản chính Học bạ THCS,+ Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH hoặc học bạ TH+ Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi,+ Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương. | - Độ tuổi : 14 - 17- Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ :+ Đơn xin chuyển trường,+ Bản sao khai sinh hợp lệ,+ Bản chính Học bạ THCS,+ Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH hoặc học bạ TH+ Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi,+ Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương. |
| II | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện | - Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần+ HKII : 17 tuần- Thực hiện theo khung phân phối chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. | - Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần+ HKII : 17 tuần- Thực hiện theo khung phân phối chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. | - Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần+ HKII : 17 tuần- Thực hiện theo khung phân phối chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. | - Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần+ HKII : 17 tuần- Thực hiện theo khung phân phối chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu  | * **Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :**

- Họp PHHS, định kỳ 3 lần/năm(đầu năm, cuối HKI, cuối năm) | * **Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :**

- Họp PHHS, định kỳ 3 lần/năm(đầu năm, cuối HKI, cuối năm) | * **Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :**

- Họp PHHS, định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, cuối HKI, cuối năm) | * **Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :**

-Họp PHHS, định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, cuối HKI, cuối năm) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh | - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại:Liên lạc bằng điện thoại, gặp trực tiếp gia đình HS, gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ.* **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:**
* Chuyên cần, vượt khó.
* Tích cực trong giờ học .
* Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trư ớc khi đến lớp.
 | - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại:Liên lạc bằng điện thoại, gặp trực tiếp gia đình HS, gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ.* **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:**
* Chuyên c ần, vượt khó .
* Tích cực trong giờ học .

- Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp. | - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại:Liên lạc bằng điện thoại, gặp trực tiếp gia đình HS, gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ.* **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:**
* Chuyên cần, vượt khó.
* Tích cực trong giờ học .
* Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.
 | - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại:Liên lạc bằng điện thoại, gặp trực tiếp gia đình HS, gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ.* **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:**
* Chuyên cần, vượt khó .
* Tích cực trong giờ học .
* Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.
 |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục | \*Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập ngoại khóa cho HS:* **Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp** (theo kế hoạch chung của nhà trường).
* Tổ chức các **hoạt động VHVNTDTT** nhân các ngày lễ
* Thành lập các CLB, đội - nhóm Văn học, Tiếng Anh, KHKT, TDTT, Mĩ thuật
 | \*Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập ngoại khóa cho HS:* **Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp** (theo kế hoạch chung của nhà trường).
* Tổ chức các **hoạt động VHVNTDTT** nhân các ngày lễ
* Thành lập các CLB, đội - nhóm Văn học, Tiếng Anh, KHKT, TDTT, Mĩ thuật
 | \*Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập ngoại khóa cho HS:* **Hoạt động GDNGLL** (theo kế hoạch chung của nhà trường
* Tổ chức các **hoạt động VHVNTDTT** nhân các ngày lễ
* Thành lập các CLB, đội - nhóm Văn học, Tiếng Anh, KHKT, TDTT, Mĩ thuật
 | \*Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập ngoại khóa cho HS:* **Hoạt động GDNGLL** (theo kế hoạch chung của nhà trường).
* Tổ chức các **hoạt động VHVNTDTT** nhân các ngày lễ
* Thành lập các CLB, đội - nhóm Văn học, Tiếng Anh, KHKT, TDTT, Mĩ thuật
* **Hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

+ HS được tham gia sinh hoạt hướng nghiệp 9 tiết/năm; tham quan hướng nghiệp; được tư vấn hướng nghiệp, phân luồng sau tn.thcs |
| V | K ết quả năng lực, phẩm chất, | **\* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS :** | **\* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS :** | **\* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS :** | **\* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS:** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được |  |  |  |  |
|  | **T** | **K** | **Đạt** | **CĐ** |  | **T** | **K** | **Đạt** | **CĐ** |  | **T** | **K** | **TB** | **Y** |  | **T** | **K** | **TB** | **Y** |
| **Hạnh kiểm** | 71.49 | 26.91 | 1.61 | 0.0 | **Hạnh kiểm** | 82.68 | 17.32 | 00 | 0.0 | **Hạnh kiểm** | 75.74 | 22.55 | 1.7 | 0.0 | **Hạnh kiểm** | 82.09 | 15.42 | 2.49 | 0.0 |
| **Học lực** | 35.74 | 41.77 | 21.29 | 1.20 | **Học lực** | 39.66 | 45.81 | 13.97 | 0.56 | **Học lực** | 40.85 | 37.87 | 20.85 | 0.43 | **Học lực** | 38.81 | 46.27 | 14.93 | 0.0 |
| **Lên lớp thẳng** | 98.80 | **Lên lớp thẳng** | 99.44 | **Lên lớp thẳng** | 99.57 | **Xét TN.THCS** | 100.0 |
| VI | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | - 100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 7 | - 100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 8 | -100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 9 | -TNTHCS: 100%83.58% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 10-16.42% học sinh học nghề, trung cấp nghề. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Bình Chánh, ngày tháng 8 năm 2023HIỆU TRƯỞNGNguyễn Thị Lệ Mai |